TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lam

2. Ông Nguyễn Hồng Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vi Văn N tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hvào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn thì anh chị về ở chung với bố mẹ đẻ anh

N tại Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H. Trong quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh N không dành thời gian chăm sóc gia đình nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đấy làm. Chị T nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Vi Văn N trình bày: Anh N xác nhận anh chị có đăng ký kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị T. Nay chị T có yêu cầu ly hôn thì anh không nhất trí.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Văn N đều khai nhận quá trình chung sống, anh chị có một con chung, cháu là Vi Yến N, sinh ngày 04/01/2013. Khi ly hôn, chị T và anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Vi Yến N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Văn N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại buổi hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T cương quyết xin ly hôn còn bị đơn là anh Vi Văn N xin được đoàn tụ. Do đó Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Ma Thị T là mẹ đẻ anh Vi Văn N và đại diện UBND xã L nơi chị Nguyễn Thị T và anh Vi Văn N sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Văn N tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hvào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, chị T cùng anh N về sinh sống với gia đình chồng tại Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H. Vợ chồng anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh N ham chơi, không dành thời gian chăm sóc gia đình nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm gì đến nhau. Quá trình chung sống, anh chị có một con chung, cháu là Vi Yến N, sinh ngày 04/01/2013. Trong quá trình chung sống anh chị không tạo lập được tài sản chung.

Tại phiên toà, chị Tuyết và anh Ncó đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn còn bị đơn là anh Vi Văn N xin được đoàn tụ. Về con chung anh chị tự nguyện thỏa

thuận và đề nghị Tòa án công nhận, cụ thể: Khi ly hôn, anh Vi Văn N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vi Yến N, sinh ngày 04/01/2013 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vi Văn N yêu cầu chị T không được thăm nom con sau khi ly hôn. Về tài sản chung, công nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vi Văn N; về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao cháu Vi Yến N, sinh ngày 04/01/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với bị đơn là anh Vi Văn N, mà anh N cư trú tại thôn T, xã L, huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết củaToà án nhân dân huyện Bắc Quang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vi Văn N xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N không dành thời gian chăm sóc gia đình nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra trong thời gian dài đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm gì đến nhau. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đượ***c***. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vi Văn N.

[4] Về việc nuôi con: Anh chị tự nguyện thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận, cụ thể: Khi ly hôn, anh Vi Văn N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vi Yến N, sinh ngày 04/01/2013 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của các anh chị là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[5] Anh Vi Văn N có quan điểm, chị Nguyễn Thị T không được thăm nom con sau khi ly hôn. Theo khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Vi Yến N nên HĐXX vẫn giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 2 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vi Văn N.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao cháu Vi Yến N, sinh ngày 04/01/2013 cho anh Vi Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0001248, ngày 19/10/2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Liên Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh **Hoàng Minh Tuấn** **Đinh Thị Hồng**